

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)
(Đợt 05 năm 2025, 30/08/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 1758/MYH25/VHU/QĐ ngày 29 tháng 09 năm 2025)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.05.001	211A140363	Võ Thụy Xuân	An	19/12/2003	Lâm Đồng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
2	VHU.TAC1.05.002	211A140372	Đặng Thị Hồng	Ân	17/03/2003	Ninh Bình	6.5	4.3	6.4	5.3	22.5	5.6	Đậu	
3	VHU.TAC1.05.003	211A140299	Võ Văn	Anh	07/08/2003	Đồng Nai	6.0	5.1	5.3	4.8	21.2	5.3	Đậu	
4	VHU.TAC1.05.004	181A160175	Phạm Quốc	Bảo	13/09/2000	Đồng Tháp	6.0	5.8	6.7	2.5	21.0	5.3	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.0; Đọc: 6.7
5	VHU.TAC1.05.005	201A140220	Nguyễn Nhật	Bảo	12/09/2002	Đắk Lắk	6.5	2.0	3.4	3.0	14.9	3.7	Rớt	
6	VHU.TAC1.05.006	171A140265	Lâm Hồng	Châu	13/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	3.6	3.4	2.8	16.8	4.2	Rớt	Bảo lưu: Nói: 7.0
7	VHU.TAC1.05.007	191A140238	Trần Thành	Đạt	25/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
8	VHU.TAC1.05.008	211A140150	Trang Mỹ	Duyên	30/03/2003	Lâm Đồng	7.0	4.6	5.2	5.3	22.1	5.5	Đậu	
9	VHU.TAC1.05.009	161A140275	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên	30/01/1995	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
10	VHU.TAC1.05.010	201A140171	Nguyễn Văn	Hải	21/03/2002	Đồng Nai	7.5	2.0	4.3	2.8	16.6	4.2	Rớt	Bảo lưu: Nói: 7.5
11	VHU.TAC1.05.011	211A140068	Nguyễn Thanh	Hải	13/02/2003	Vĩnh Long	4.0	4.0	2.2	2.0	12.2	3.1	Rớt	
12	VHU.TAC1.05.012	221A140001	Phạm Thị Ngọc	Hân	19/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.1	7.3	6.5	28.9	7.2	Đậu	
13	VHU.TAC1.05.013	171A140286	Ngô Gia	Hân	26/01/1999	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng Bảo lưu: Đọc: 7.0
14	VHU.TAC1.05.014	181A140325	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	26/09/2000	Phú Thọ	5.0	5.0	5.3	5.0	20.3	5.1	Đậu	Bảo lưu: Nói: 5.0; Đọc: 5.3
15	VHU.TAC1.05.015	211A140003	Lê Thị Thanh	Hậu	28/12/1992	Gia Lai	6.5	6.9	5.0	4.5	22.9	5.7	Đậu	
16	VHU.TAC1.05.016	201A140008	Trương Nhật	Hoàng	31/10/2001	Vĩnh Long	Vắng	1.3	3.8	5.8	10.9	2.7	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
17	VHU.TAC1.05.017	211A140311	Trần Thị Lan	Hương	07/02/2003	Tây Ninh	6.0	5.9	6.7	4.8	23.4	5.9	Đậu	
18	VHU.TAC1.05.018	211A140209	Saphila	Jessica	09/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	6.9	7.0	5.5	25.4	6.4	Đậu	
19	VHU.TAC1.05.019	211A140356	Lê Hàn Bảo	Khang	16/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.7	7.6	6.8	30.1	7.5	Đậu	
20	VHU.TAC1.05.020	171A140169	Lê Hoàng	Lộc	02/06/1999	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
21	VHU.TAC1.05.021	201A140020	Trần Phi	Long	18/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	6.1	3.9	3.5	20.0	5.0	Đậu	
22	VHU.TAC1.05.022	201A140061	Thân Nguyễn Khánh	Mai	12/02/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
23	VHU.TAC1.05.023	211A140084	Thân Minh	Mẫn	13/01/2003	Đồng Nai	5.5	2.8	2.0	3.0	13.3	3.3	Rớt	
24	VHU.TAC1.05.024	191A140139	Nguyễn Thị Kiều	Nga	12/03/2001	Đắk Lắk	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
25	VHU.TAC1.05.025	181A140121	Phan Thị Thanh	Ngân	30/11/2000	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
26	VHU.TAC1.05.026	211A140037	Nguyễn Bảo	Ngọc	20/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	5.6	5.0	3.0	20.6	5.2	Đậu	
27	VHU.TAC1.05.027	221A140036	Kinh Thị Thảo	Nguyên	15/08/2004	Lâm Đồng	7.5	0.5	1.6	2.3	11.8	3.0	Rớt	Trừ 50%
28	VHU.TAC1.05.028	211A140126	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	01/01/2003	Tây Ninh	4.0	0.7	1.4	2.5	8.6	2.2	Rớt	
29	VHU.TAC1.05.029	181A140337	Đình Tô Minh	Nguyên	25/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	4.0	5.3	3.0	18.8	4.7	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.5
30	VHU.TAC1.05.030	201A140055	Lê Trọng	Nhân	22/02/2002	Vĩnh Long	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
31	VHU.TAC1.05.031	211A140414	Hồ Sĩ	Nhân	18/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	6.3	9.0	6.0	27.8	7.0	Đậu	
32	VHU.TAC1.05.032	211A140187	Nguyễn Trần Thuý	Nhi	28/08/2003	Lâm Đồng	2.0	1.7	3.1	3.8	10.6	2.7	Rớt	
33	VHU.TAC1.05.033	201A140142	Lê Thị Thanh	Nhi	02/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng Bảo lưu: Nói: 5.0
34	VHU.TAC1.05.034	201A140070	Nguyễn Phương	Nhi	07/01/2002	An Giang	Vắng	2.0	2.1	1.3	5.4	1.3	Rớt	Trừ 50%
35	VHU.TAC1.05.035	201A140095	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23/06/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
36	VHU.TAC1.05.036	191A140198	Phạm Quỳnh	Như	31/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	1.0	1.4	0.0	2.4	0.6	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
37	VHU.TAC1.05.037	211A140148	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	06/04/2003	Tây Ninh	5.0	2.0	2.5	3.2	12.7	3.2	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0
38	VHU.TAC1.05.038	211A140455	Nguyễn Hải	Phú	16/12/1997	Đắk Lắk	6.5	1.3	2.5	2.5	12.8	3.2	Rớt	
39	VHU.TAC1.05.039	211A140497	Nguyễn Đoàn Trọng	Phúc	23/03/2003	Tây Ninh	8.0	2.8	3.9	5.0	19.7	4.9	Rớt	
40	VHU.TAC1.05.040	191A140224	Đàn Thùy	Quyên	22/07/2001	Lâm Đồng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
41	VHU.TAC1.05.041	211A110008	Nguyễn Hạnh	Quyên	04/07/2003	Đồng Tháp	6.0	3.3	8.1	2.5	19.9	5.0	Rớt	
42	VHU.TAC1.05.042	201A140231	Huỳnh Diễm	Quỳnh	16/09/2002	Quảng Ngãi	7.0	6.6	6.4	5.8	25.8	6.5	Đậu	Bảo lưu: Nói: 7.0; Nghe: 6.6
43	VHU.TAC1.05.043	201A140152	Dương Thị Ngọc	Tâm	23/04/2002	Vĩnh Long	4.0	3.3	3.1	1.5	11.9	3.0	Rớt	
44	VHU.TAC1.05.044	211A140358	A	Thăng	20/09/1996	Quảng Ngãi	Vắng	1.0	2.2	1.0	4.2	1.1	Rớt	
45	VHU.TAC1.05.045	211A140310	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	19/12/2003	Đồng Tháp	6.0	2.0	5.0	3.5	16.5	4.1	Rớt	Bảo lưu: Đọc: 5.0
46	VHU.TAC1.05.046	211A140342	A	Thếc	20/02/2002	Quảng Ngãi	5.0	2.6	4.5	5.0	17.1	4.3	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0; Viết: 5.0
47	VHU.TAC1.05.047	211A140060	Lê Thị Thanh	Thương	16/08/2003	Gia Lai	5.5	7.6	8.7	4.8	26.6	6.7	Đậu	
48	VHU.TAC1.05.048	201A140180	Lâm Bảo	Trân	24/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	4.0	5.4	7.8	5.3	22.5	5.6	Đậu	Bảo lưu: Nghe: 5.4; Viết: 5.3
49	VHU.TAC1.05.049	201A140041	Trương Thị Ngọc	Trang	13/01/2002	Vĩnh Long	6.0	4.0	7.6	5.0	22.6	5.7	Đậu	
50	VHU.TAC1.05.050	171A140211	Ngô Thụy Cát	Tường	12/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	2.3	5.0	3.0	16.3	4.1	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.0
51	VHU.TAC1.05.051	201A140154	Võ Anh	Tùng	03/03/2002	Đắk Lắk	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
52	VHU.TAC1.05.052	211A140204	Nhữ Hạ	Tuyết	20/06/2003	Đắk Lắk	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
53	VHU.TAC1.05.053	211A030011	Phùng Thị Thu	Uyên	13/06/2000	Bắc Ninh	7	4.3	5.9	5.0	22.2	5.6	Đậu	
54	VHU.TAC1.05.054	211A140214	Đặng Thị Thảo	Uyên	21/10/2003	Thành phố Huế	6	1.3	4.2	6.5	18.0	4.5	Rớt	
55	VHU.TAC1.05.055	211A140481	Nguyễn Thảo	Vi	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	6.6	7.6	7.3	28	7	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
56	VHU.TAC1.05.056	201A140059	Phạm Việt Gia	Vy	31/10/2002	Lâm Đồng	7	1.7	2.8	7.3	18.8	4.7	Rớt	
57	VHU.TAC1.05.057	191A140174	Lê Thị Tường	Vy	09/04/2001	Cà Mau	Vắng	2.6	1.7	0	4.3	1.1	Rớt	
58	VHU.TAC1.05.058	201A140194	Trần Trà Như	Ý	25/08/2002	Đồng Tháp	6	7.1	5.6	6.8	25.5	6.4	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 58
Số thí sinh dự kiểm tra: 44
Số thí sinh vắng kiểm tra: 14
Số thí sinh đậu: 19
Số thí sinh rớt: 25

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức